TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 -11- 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Quàng Văn Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Đức Toản và bà Mùa Thị Máy.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Trần Hữu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn, yêu cầu không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mùa Thị K; Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phàng A N; Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện B; Địa chỉ: TK2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền ông Trần Mạnh T, phó Giám đốc; Vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Mùa Thị K trình bày: Chị và anh Phàng A N tìm hiểu nhau và về chung sống với nhau từ năm 1992, do hai bên tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Phàng A N vay tiền Ngân hàng được 100.000.000 đồng mang đi chi tiêu cá nhân hết, không nhằm mục đích phục vụ gia đình, anh N còn bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác. Chị và anh N sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị Mùa Thị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án

giải quyết không công nhận là vợ chồng cho chị và anh N.

Về con chung: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N có 03 con chung là cháu Phàng A C, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1994, cháu Phàng Thị M, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1997 và cháu Phàng A T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001. Do các cháu trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu phân chia.

Về tài sản chung: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N có tài sản chung là 02 ngôi nhà ở bằng gỗ, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 13 mảnh nương trồng ngô, lúa, yêu cầu Tòa án phân chia, giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền là 100. 000.000 đồng. Yêu cầu Toà án phân chia trách nhiệm trả nợ chung. Anh Phàng A N phải có trách nhiệm trả cho chị K số tiền 13.5000.000 đồng, tiền bán đất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2023 anh Phàng A N trình bày: Anh và chị Mùa Thị K tìm hiểu nhau và về chung sống với nhau từ năm 1992, do hai bên tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị Mùa Thị K có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị K thường xuyên chửi mắng anh N, không cho anh N ngủ trong nhà. Anh và chị K sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh N được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị K có 03 con chung là cháu Phàng A C, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1994, cháu Phàng Thị Mỷ, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1997 và cháu Phàng A T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2001. Do các cháu trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu phân chia.

Về tài sản chung: Anh N và chị K tài sản chung là 02 ngôi nhà ở bằng gỗ, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 13 mảnh nương trồng ngô, lúa. Anh N nhất trí giao hết tài sản cho chị K với điều kiện chị K phải trả số tiền vay nợ ngân hàng.

Về vay nợ chung: Anh N và chị K có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền là 100. 000.000 đồng. Trường hợp chị K nhất trí trả số tiền này anh N sẽ giao toàn bộ tài sản trên cho chị K sử dụng. Anh N sẽ có trách nhiệm trả cho chị Mùa Thị K số tiền 13.500.000 đồng tiền bán đất.

Tại Văn bản đề nghị ngày 16/10/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B trình bày: Ngày 30/9/2022 vợ chồng chị Mùa Thị K và anh Phàng A N có ký kết vay vốn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền 100.000.000 đồng, tính đến thời điểm hiện tại tổng dư nợ là 63.877.884 đồng, căn cứ vào nội dung vụ án, phân chia tài sản và đảm bảo quyền lợi của Agribank - Chi nhánh huyện B thuận lợi việc thu hồi nợ, đề nghị Tòa án phân định rõ quyền tài sản thuộc về ai người đó phải chịu trách nhiệm với khoản vay tại Agribank Chi nhánh huyện B. Nhất trí

với phương án trả nợ của chị Mùa Thị K và anh Phàng A N. Chị Mùa Thị K được sử dụng toàn bộ tài sản thì phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng theo định kỳ cả tiền gốc và lãi phát sinh.

Tại xác nhận ngày 06/11/2023, UBND xã X xác nhận: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, qua kiểm tra, xác minh trên phần mềm hộ tịch đăng ký kết hôn và các sổ đăng ký kết hôn đang lưu giữ tại UBND xã X thì chị K và anh N chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/11/2023 các đương sự thống nhất về yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tại phiên hòa giải, các đương sự cũng thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản chung, vay nợ chung.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa nhưng bị đơn anh Phàng A N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện B có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Phàng A N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Mùa Thị K trình bày ý kiến tranh luận vẫn giữ nguyên yêu cầu Ly hôn với anh Phàng A N.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; 16 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng, tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị Mùa Thị K và anh Phàng A N. Về tài sản chung, đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận của các đương sự, chị K và anh N thỏa thuận, thống nhất giao cho chị Mùa Thị K quản lý và sử dụng 02 ngôi nhà ở bằng gỗ nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437831 cấp ngày 24/5/2017, được sử dụng đất ở nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437831 cấp ngày 24/5/2017 và 13 mảnh nương trồng ngô, lúa nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437832 cấp ngày 24/5/2017. Về vay nợ chung, đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận của các đương sự, chị Mùa Thị K có trách

nhiệm trả số tiền nợ là 63.877.884 đồng *(Sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng)* và lãi suất phát sinh theo định kỳ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B. Anh Phàng A N có trách nhiệm trả dần hết số tiền 13.500.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)* đến tháng 6/2024 cho chị Mùa Thị K. Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, không công nhận là vợ chồng" do nguyên đơn chị Mùa Thị K khởi kiện đối với bị đơn anh Phàng A N có nơi cư trú bản T, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mùa Thị K, bị đơn anh Phàng A N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Phàng A N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phàng A N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N tìm hiểu nhau và về chung sống với nhau từ năm 1992, do hai bên tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Phàng A N vay tiền Ngân hàng được 100.000.000 đồng mang đi chi tiêu cá nhân hết, không nhằm mục đích phục vụ gia đình, anh N còn bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác. Chị và anh N sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị Mùa Thị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng cho chị và anh N. Còn anh Phàng A N thì cho rằng do chị Mùa Thị K có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị K thường xuyên chửi mắng anh N, không cho anh N ngủ trong nhà. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh N được đoàn tụ. Do hai người sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận là vợ chồng giữa chị Mùa Thị K và anh Phàng A N.

[4] Về tài sản chung: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N có 02 ngôi nhà ở bằng gỗ, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 13 mảnh nương trồng ngô, lúa. Tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023 nguyên đơn chị Mùa Thị K và anh Phàng A

N đã thỏa thuận thống nhất với nhau về phân chia tài sản chung, giao cho chị Mùa Thị K sở hữu và sử dụng 02 ngôi nhà ở bằng gỗ nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437831 cấp ngày 24/5/2017, được sử dụng đất ở nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437831 cấp ngày 24/5/2017 và 13 mảnh nương trồng ngô, lúa nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437832 cấp ngày 24/5/2017. *(Hiện tại 02 ngôi nhà ở và đất ở, 13 mảnh nương thuộc địa phận bản T, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La)*. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về vay nợ chung: Chị Mùa Thị K và anh Phàng A N xác định có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B số tiền là 100. 000.000 đồng, số nợ hiện tại còn lại là 63.877.884 đồng. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận thống nhất chị Mùa Thị K có trách nhiệm trả số tiền nợ là 63.877.884 đồng *(Sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng)* và lãi suất phát sinh theo định kỳ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B. Anh Phàng A N có trách nhiệm trả dần hết số tiền 13.500.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)* đến tháng 6/2024 cho chị Mùa Thị K. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì chị Mùa Thị K và anh Phàng A N sinh sống tại: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị Mùa Thị Khua và anh Phàng A N.

2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Mùa Thị K và anh Phàng A N như sau. Chị Mùa Thị K được sở hữu 02 ngôi nhà ở bằng gỗ và

quyền sử dụng đất ở, nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437831 cấp ngày 24/5/2017, và được quyền sử dụng 13 mảnh nương trồng ngô, lúa nằm trong diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 437832 cấp ngày 24/5/2017. *(Hiện tại 02 ngôi nhà ở và đất ở, và 13 mảnh nương thuộc địa phận bản T, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La)*.

3. Về vay nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Mùa Thị K, anh Phàng A N và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B như sau. Chị Mùa Thị K có trách nhiệm trả số tiền nợ là 63.877.884 đồng *(Sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng)* và lãi suất phát sinh theo định kỳ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B. Anh Phàng A N có trách nhiệm trả dần hết số tiền 13.500.000 đồng *(Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)* đến tháng 6/2024 cho chị Mùa Thị K.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/11/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Quàng Văn Thủy